

KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ ĐẶC BIỆT (1975 – 1985)

TS. Nguyễn Đại Lai

Sau chiến thắng mùa xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính Trị, Trung ương Đảng và sự điều hành của Chính phủ đối với những vấn đề tiếp theo của cuộc cách mạng miền Nam, Nhà nước Việt Nam dân chủ công hòa đã nhanh chóng tìm được giải pháp tiếp cận thích hợp thông qua một số bước đệm về thể chế **hết sức ngoạn mục** để xử lý đồng bộ các bước ngoặt của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội ở một nửa đất nước vừa giải phóng ngay từ những ngày đầu tiên của **giai đoạn lịch sử đặc biệt 1975 - 1985 - 10 năm khôi phục kinh tế sau chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - chấm dứt cuộc chiến tranh giải phóng**. Thể chế đó chính là sự thiết lập Ủy Ban quân quản bên cạnh Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam dưới sự lãnh đạo thống nhất của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng lao động Việt Nam (vào thời khắc lịch sử đó, người viết bài này cũng là một chiến sỹ giải phóng quân và được trực tiếp chứng kiến công tác quân quản tại Sài Gòn cho đến tháng 6/1975).

Bằng công thức “**Nhà nước tại chỗ**” này, mọi sinh hoạt của đời sống kinh tế của xã hội miền Nam đã được duy trì bình thường và từng bước tiếp cận với thể chế mới mà đã không gây ra bất kỳ một cú sốc đáng kể nào trong các tầng lớp nhân dân lao động.

Riêng về lĩnh vực Tài chính-Tiền tệ, Đảng và Nhà nước chủ trương vừa duy trì hoạt động bình thường bằng cách tiếp tục cho lưu hành đồng tiền của chế độ cũ trong một thời gian, vừa nhanh chóng xác lập quyền sở hữu Nhà băng về tay Nhà nước cách mạng. Tại Sài Gòn, ngay chiều 30/4/1975, hầu hết các ngân hàng của chính quyền cũ ở khu vực Sài Gòn – Gia Định – Chợ Lớn đã được niêm phong. Sáng 1/5/1975 Ủy ban quân quản Sài Gòn đã triệu tập được hầu hết các thành viên ban lãnh đạo Ngân hàng Quốc gia (NHQG) của chính quyền Sài Gòn, trong đó có cả Thống đốc Lê Quang Uyển và hầu hết các giám đốc của các ngân hàng thương mại ở khu vực Sài Gòn – Gia Định về tập trung tại sảnh lớn trụ sở NHQG ở 17 Bến Chương Dương – Sài Gòn để nghe phán quyết của Ủy Ban quân quản về việc tiếp nhận hệ thống ngân hàng của chính quyền Sài Gòn. Ông Lữ Minh Châu là cán bộ của Trung ương cục miền Nam được cài vào làm việc tại Ngân hàng Trung ương (NHTW) Sài Gòn từ 1970 đã xuất hiện công khai trong đoàn cán bộ của Ủy ban quân quản. Đoàn của Ủy ban quân quản gồm phần lớn là các đồng chí cán bộ cốt cán thuộc ban kinh tài của Trung ương cục miền Nam đã có mặt tại trường Cao Thắng Sài Gòn ngay từ chiều 30/4/1975. Ông Hai Xô thay mặt Trung ương cục miền Nam làm trưởng ban

tiếp nhận hệ thống NHQG Sài Gòn cùng các ông: Trần Dương, Vũ Trung Nhung, Trần Quang Dũng, Năm Hải, Phạm Văn Hải, Lý Hồng và một số đơn vị quân giải phóng làm nhiệm vụ bảo vệ cho các hoạt động tiếp quản ngân hàng. Sáng 1/5/1975 tại Trụ sở NHQG Sài Gòn 17 Bến Chương Dương, ông Lữ Minh Châu được cử tạm thời phụ trách Ban tiếp quản các ngân hàng ở khu vực Sài Gòn – Gia Định và là người được cử thay mặt Ủy ban quân quản đọc lệnh “Quốc hữu hóa” hệ thống ngân hàng của chính quyền Sài Gòn và tuyên bố việc Chính quyền Cách mạng sẽ tiếp quản các quyền lợi và nghĩa vụ của ngân hàng trong các quan hệ đối nội và đối ngoại của hệ thống ngân hàng của chế độ cũ – trong đó bao gồm cả việc xác nhận nợ, tiếp quản tất cả các kho thế chấp và lời hứa trả lại tiền gửi cho nhân dân trong quá trình thu hồi nợ và hoạt động tiếp theo của hệ thống ngân hàng miền Nam trong chính quyền cách mạng. Toàn bộ kho tiền và cơ sở vật chất tại trụ sở chính 17 Bến Chương Dương được Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam giao cho ông Trần Dương làm trưởng ban tiếp nhận (cùng với các ông: Nguyễn Văn Triệu (Hai Triệu) và ông: Vũ Trung Nhung (Bảy Nhung)). Các ngân hàng thương mại trên địa bàn Sài Gòn – Gia Định giao cho ông Lữ Minh Châu (cùng với các ông: Trần Quang Dũng, Năm Hải, Lý

Hồng...) tiếp nhận. Toàn bộ hoạt động tài chính đối ngoại của NHQG Trung ương Sài Gòn giao cho nhóm cán bộ do ông Mai Hữu Ích – Cục phó Cục ngoại hối NHNN ở Hà Nội được cử vào làm trưởng Ban tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ duy trì bình thường với các đối tác cũ của NHQG Sài Gòn về những quan hệ có nhân tố nước ngoài. Các ngân hàng của các tỉnh từ Quảng Trị đến Cà Mau tạm giao cho Ủy ban quân quản các tỉnh, thành phố sở tại tiếp nhận, niêm phong, quản lý và bàn giao khi có lệnh. Nhiều ngân hàng và chi nhánh ngân hàng ở các tỉnh, thành phố được giải phóng trước như các tỉnh, thành phố từ Quảng Trị đến Quảng Đà (Quảng Ngãi và Đà Nẵng ngày nay) cũng như một số tỉnh Tây Nguyên trên đường Trường Sơn... đã được tiếp quản từ trước hàng tháng ngay sau khi các địa phương này được giải phóng. Danh sách các ngân hàng và phương án tiếp quản cũng đã được lập bởi đoàn “B68” từ nhiều năm trước khi giải phóng nên việc tiếp quản đã diễn ra tương đối suôn sẻ, chủ động theo sự chỉ đạo của Ủy ban quân quản và cơ quan quản lý Nhà nước về ngân hàng ở Thủ đô Hà Nội. Tại khu vực Đà Nẵng ngay trong ngày giải phóng 29/3/1975 đã có 23 cán bộ của ban kinh tài do ông Phạm Đức Nam khi đó là trưởng ban tài mậu, đồng thời là chủ tịch Ủy ban kháng chiến Quảng Đà làm trưởng đoàn tổ chức tiếp quản các ngân hàng trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Đà đã tập hợp đầy đủ tại tòa thị chính thành phố Đà Nẵng.... Sáng 1/4/1975 bắt đầu được lệnh “xuất quân” tiến hành tiếp quản 24 ngân hàng của Ngân quyền trên địa bàn Đà Nẵng để sử dụng tiền phục vụ

bộ máy quân quản và người dân hoạt động bình thường trong những ngày hừng hực khí thế tiến công vào sào huyệt cuối cùng của Ngụy quyền Sài Gòn trong cuộc chiến tranh giải phóng.

Hơn 13.000 người lao động ở tất cả các ngân hàng thuộc miền nam Việt Nam hầu như đều được tiếp tục công việc bình thường tại nơi làm việc cũ với sự giám sát của Ủy ban quân quản. Ngày 15/6/1975 Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã bổ nhiệm ông Trần Dương làm Thống đốc NHQG miền Nam Việt Nam. Các ông: Nguyễn Văn Triệu, Vũ Trung Nhung được bổ nhiệm làm phó thống đốc NHQG của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; ông Lữ Minh Châu được bổ nhiệm chính thức làm trưởng ban tiếp quản hệ thống các Ngân hàng thương mại (NHTM) khu vực Sài Gòn – Gia Định và trưởng ban thành lập ngân hàng thành phố Sài Gòn (sau này là Ngân hàng Công thương Sài Gòn). Ngày 6/6/1975 - 5 tuần sau ngày giải phóng, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra nghị định số 04/PCT - 75 về thành lập NHQG Việt Nam trực thuộc Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do ông Trần Dương làm Thống đốc (vẫn giữ nguyên tên ngân hàng cũ của Chính quyền Ngụy Sài Gòn để không ảnh hưởng đến tên ngoại giao trong các giao dịch, các nghĩa vụ hoặc các quyền lợi của NHQG Việt Nam với các tổ chức tài chính quốc tế hay các ngân hàng nước ngoài). Với bước đệm nói trên, Chính phủ Cách mạng lâm thời

Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã thông qua danh nghĩa của chủ nhà băng NHQG Việt Nam để thừa kế vai trò hội viên của ngân hàng này trong các tổ chức tài chính quốc tế như: IMF, ADB, WB. Tiếp đó NHQG của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam đã mở rộng quan hệ với các ngân hàng của một số nước Tư bản và nhiều nước dân tộc chủ nghĩa khác. Tháng 9/1975 dưới sự chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam, NHQG Việt Nam đã tiến hành một cuộc đổi tiền trên qui mô toàn miền Nam để chính thức đoạn tuyệt chế độ tiền cũ nhằm xây dựng một nền tiền tệ độc lập, tự chủ, ***tước đoạt công cụ phá hoại kinh tế của các thế lực đế quốc và tay sai phản động.*** Đây cũng là bước đệm quan trọng cho việc thống nhất tiền tệ trong toàn quốc sau này. Đồng tiền mới của chính quyền cách mạng mang tên “***Tiền Ngân hàng Việt Nam***” (tiền NHVN) (cán bộ và người dân thường gọi với cái tên thân thiết là “tiền giải phóng”) thay thế đồng tiền cũ mang tên “NHQG Việt Nam” của chính quyền Ngụy Sài Gòn với tỷ lệ một đồng mới bằng 500 đồng cũ (trở lại tỷ giá 35 đồng tiền NHVN tương đương với giá trị của 1 USD). Cuộc đổi tiền này về cơ bản đã thành công tốt đẹp, qua đó đã khẳng định quyền lực của Chính quyền Cách mạng và cũng là một bộ phận hữu cơ trong sự nghiệp cách mạng dân chủ nhân dân được tiến hành lập tức ngay sau cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam.

Trong quá trình thành lập và hoạt động của NHQG ở miền Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt nam ở Hà Nội đã cử nhiều đoàn

cán bộ vào miền Nam ngay từ trước ngày giải phóng và đặc biệt từ tháng 7/1975 để trực tiếp tham gia bộ máy tổ chức và xúc tiến soạn thảo các văn bản pháp quy phù hợp với cơ chế hoạt động của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Trung ương. Thời kỳ này tại NHNN Việt Nam ở miền Bắc do ông Đặng Việt Châu – Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm chức Tổng giám đốc NHNN Việt Nam từ 6/1975 đến 7/1976 và ông Hoàng Anh – Bí thư Trung ương đảng kiêm chức Tổng giám đốc NHNN Việt Nam từ 7/1976 đến 3/1977. Sau khi thống nhất ngân hàng về mặt tổ chức thì chức vụ Tổng giám đốc NHNN Việt Nam thống nhất đầu tiên được Chính phủ Trung ương bổ nhiệm ông Trần Dương (đảm nhiệm từ tháng 3/1977 đến tháng 2/1981) và ông Nguyễn Duy Gia làm Tổng giám đốc từ 2/1981 đến tháng 6/1986.

Ngày 2 tháng 7 năm 1976 Quốc Hội nước Việt Nam thống nhất đã quyết định đổi tên Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

thành *Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam* – Cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH, thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế. Về ngân hàng, mọi hoạt động tiền tệ, tín dụng, thanh toán và dịch vụ khác đã được đặt trong một cơ chế vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước. Đó là hệ thống ngân hàng một cấp, hoạt động bằng cơ chế kế hoạch hoá và hạch toán toàn ngành theo kế hoạch của Nhà nước, phục vụ sự nghiệp khôi phục kinh tế sau chiến tranh, “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên sản xuất lớn XHCN”. Bước tiếp theo là việc hợp nhất ngân hàng về mặt tiền tệ vào mùa xuân năm 1978. Ngày 25/4/1978, đúng vào dịp kỷ niệm 3 năm sau ngày giải phóng miền Nam Quốc hội và Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra quyết định về việc thống nhất tiền tệ trong cả nước - Theo đó ngày 2/5/1978 lệnh đổi tiền được ban bố: Từ 0 giờ

ngày 02/5/1978 cả nước sử dụng thống nhất một loại tiền mới theo tỷ lệ: một đồng NHNN cũ ở miền Bắc hoặc 0,8 tiền NHVN ở miền Nam bằng một đồng NHNN mới. Từ đây, lần đầu tiên kể từ 1954 cả nước được dùng chung một đồng tiền – Tiền “*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”.

Với chủ trương trong vòng kế hoạch 5 năm từ 1976 – 1985, các chủ nhân của nền kinh tế Việt Nam phải tiến hành xong công cuộc cải tạo XHCN, xây dựng xong về cơ bản cơ sở vật chất, kỹ thuật để đưa cả nước đi lên sản xuất lớn XHCN theo tinh thần Nghị quyết Đại Hội đảng lần thứ IV năm 1976 - Theo đó các thành phần kinh tế phi XHCN phải được cải tạo và quy tụ về hai thành phần kinh tế cơ bản là **quốc doanh và tập thể**; Hơn 500 huyện, thị trên cả nước phải là hơn “500 **pháo đài** kinh tế”; Các nhà máy, công xưởng, hầm mỏ, các ngành nghề từ Trung ương đến địa phương phải bước vào trận mới, phải tạo được những bước chuyển nhảy vọt về kinh tế và đời sống xã hội - **Cả nước từ chiến trường biến thành công trường!**

Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam lại phải đối mặt với những tình thế hết sức éo le. Việt Nam không chỉ thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế nói chung và cán bộ khoa học ngân hàng nói riêng mà còn chịu sức ép hết sức phức tạp về môi trường phát triển kinh tế. Các nguồn viện trợ cho Việt Nam trước đây để đánh Mỹ đã bị cắt, giảm đột ngột, các vụ bạo loạn, kích động và quấy phá Cách mạng nổi lên ở nhiều nơi, nhất là ở hai khu vực biên giới phía Tây Nam và phía Bắc; Nhu cầu chi ngân sách đột ngột tăng lên - nhất là chi chính sách xã



hội và chi xây dựng cơ bản. Đời sống của nhân dân nói chung và của công chức nói riêng vốn đã khó khăn lại phải chi viện cả sức người, sức của giúp nhân dân Campuchia chiến đấu thoát khỏi thảm họa “nồi da nấu thịt” của bọn diệt chủng Pôn-pốt.... Kết quả là bội chi ngân sách không ngừng gia tăng, bình quân trong những năm 1976 - 1985 ngân sách bội chi tới 30% một năm. Một bộ phận lớn tiền phát hành đã phải trở thành tiền tài chính. Bội chi tiền mặt do đó cũng tăng mạnh, bình quân năm sau cao hơn năm trước tới 1,5 lần.

Cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp trong nền kinh tế nói chung, trong ngân hàng nói riêng do bị kéo dài quá lâu và không còn hợp với thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội trong thời bình nên về hình thức thì tập trung cao độ nhưng về nội dung thì Nhà nước ngày càng không thể kiểm soát hết và càng không thể bao cấp hết. Viễn cảnh là nền kinh tế có hai thị trường: thị trường Nhà nước và thị trường phi Nhà nước với hai hệ thống giá, hai hệ thống phân phối và phân phối lại, thậm chí trong nhiều lĩnh vực còn có cả hai hệ thống luật lệ - Luật Nhà nước và “luật rừng”. Tình trạng trên đặc biệt nổi cộm trong lĩnh vực phân phối lưu thông và quan hệ hàng hóa - tiền tệ vào nửa cuối thập niên 80 của thế kỷ 20. **Đây cũng chính là thời kỳ trong ngân hàng thì thiếu tiền mặt nghiêm trọng, ngoài thị trường thì lạm phát liên tục gia tăng** mà đỉnh cao là năm 1986 lạm phát lên tới 774,7% do những tác động trễ của nhiều nhân tố từ 10 năm sau chiến tranh dồn lại! Dự nợ ngân hàng chủ yếu phục vụ thành phần kinh tế quốc doanh và tăng với tốc độ

rất cao. Do tính chất nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế vào những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ 20, đặc biệt là trong lĩnh vực phân phối lưu thông mà biểu hiện tập trung của nó được phản ánh trên ba lĩnh vực nhạy cảm nhất: Giá - Lương - Tiền! Nhà nước Việt Nam đã phải quyết định tiến hành một cuộc tổng điều chỉnh Giá - Lương - Tiền với các mục đích: Điều chỉnh sức mua của đồng tiền, điều tiết thu nhập của một bộ phận không nhỏ những người làm ăn bất chính, hủy bỏ tiền mà kẻ địch đang có trong tay làm phương tiện phá hoại kinh tế. Đồng thời đổi tiền để tổng kiểm tra tồn quỹ tiền mặt của các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp và tổ chức kinh tế.... Theo đó, đúng 6 giờ sáng ngày 14/9/1985 Nhà nước đã phải công bố lệnh đổi tiền lần thứ tư kể từ khi thành lập NHQG VN (1951) với tỷ lệ: một đồng NHNN Việt Nam mới bằng mười đồng NHNN Việt Nam cũ. Tuy vậy, do nhiều nhân tố không thể lường trước được nên ngay sau cuộc đổi tiền, chẳng những không hạn chế được bớt lượng tiền mặt trong lưu thông mà còn phải phát hành thêm với số lượng lớn phục vụ nhu cầu trả lương, thu mua năm nguồn hàng và trang trải bội chi ngân sách Nhà nước. Chỉ trong vòng hơn ba tháng kể từ sau ngày đổi tiền, ngân hàng đã phải phát hành thêm một khối lượng gấp 1,38 lần tổng giá trị tiền mới phát hành cho cuộc đổi tiền trước đó. Nhu cầu chi tiêu sau đó lại tiếp tục gia tăng, tiền phát ra thì nhiều, quay về Ngân hàng Trung ương thì ít mà phần lớn số tiền tín dụng không quay về đã bị “tài chính hóa”. Bức tranh về khủng hoảng kinh tế cũ do đó càng trầm

trọng hơn: Thiếu tiền trong ngân hàng, lạm phát trong lưu thông; vật tư, hàng hóa chủ yếu vẫn tuột dần khỏi tay Nhà nước; Những mạch “kinh tế ngầm” vẫn chảy dử dối, hụi, họ, chợ đen, cho vay nặng lãi, “khoán chui”, “phá rào”, “núp bóng”... là những cụm từ và là những hiện tượng nhức nhối đã từng xuất hiện phổ biến trong đời sống kinh tế xã hội Việt Nam từ những năm trước lại tái diễn và có phần nghiêm trọng hơn vào cuối năm 1985, đầu năm 1986.

Vậy là chiếc máy in tiền (thậm chí việc in tiền để phát hành thời kỳ này cũng còn phải thuê từ nước ngoài) cùng cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã không còn phù hợp với điều kiện xây dựng kinh tế thời bình - Không thể làm xoay chuyển được sức ỳ của nền kinh tế vốn đang chờ đợi một cách khách quan những động lực khác: Đó là tư duy mới, cơ chế mới, tri thức mới và một kiểu dũng cảm mới - dũng cảm chấp nhận sự thật, đánh giá đúng sự thật và những giải pháp xử lý tận gốc những sự thật bất cập đang hoành hành lúc đó.

NHNN Việt Nam cũng đã nhận rõ sứ mệnh này và như là một phần cơ thể của nền kinh tế, ngành Ngân hàng Việt Nam lại tiếp tục đi những bước đi mới đầy gập ghềnh, đầy cam go cùng đất nước. Đây cũng chính là bối cảnh trong “đêm trước” của cuộc cải cách lớn nhất trong lịch sử về cơ chế kinh tế Việt Nam nói chung và cải cách cơ chế hoạt động của Ngành Ngân hàng Việt Nam nói riêng diễn ra từ năm 1986 (sau Đại Hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đại hội của tinh thần đổi mới) đến những thành tựu như ngày nay■